

LÊ BÁ VƯƠNG*
NGUYỄN THANH HÒA**

CÁC CHÚA NGUYỄN VỚI CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NHO GIÁO Ở ĐÀNG TRONG (THẾ KỶ XVII - XVIII)

Tóm tắt: Là những người được trưởng thành qua “cửa Khổng sơn Trình”, các chúa Nguyễn sớm quan tâm phát triển và sử dụng Nho giáo trong đường lối trị quốc. Hơn hai thế kỷ “vạch đôi sơn hà”, các chúa Nguyễn đã thực hiện chính sách phát triển dòng Nho giáo bình dân, dòng Nho giáo đã được “dân tộc hóa” để làm nền tảng tư tưởng cho thiết chế quân chủ trung ương tập quyền, phục vụ mục đích xác lập chủ quyền và tạo dựng văn hóa Đàng Trong.

Từ khóa: Nho giáo; Đàng Trong; Chúa Nguyễn; chính sách tôn giáo.

1. Các chúa Nguyễn chú trọng phát triển dòng Nho giáo bình dân

Là những người nắm quyền quản lý Đàng Trong, các chúa Nguyễn luôn quan tâm Phát triển Nho giáo. Tất cả các vị chúa đều có những chính sách đối với Nho giáo. Những chuẩn mực đạo Nho được phổ biến rộng rãi. Năm 1726 chúa Nguyễn Phúc Chú ban hành một Huấn điều ghi rõ: “Vua làm cha mẹ, ban lời dạy bảo đạo thường. Từ trước tới nay, vẫn noi lối ấy. Tổ tông dựng nước, vốn trung hậu làm phép truyền gia... Nay bảo khắp cha con vợ chồng, phải noi theo luân thường Nghiêu Thuấn; chớ trái ta khuyên răn dạy bảo, mà sa vào lưới pháp Thành Thang”¹⁾ Pierre Poivre có mặt ở Đàng Trong năm 1749 khẳng định chính quyền Đàng Trong bấy giờ rất chú trọng Nho giáo: “Nhà vua, các quan và những người có học thức rất thông thạo Khổng giáo... Những người hiểu biết hoặc có học thức dường như rất chịu

* Trường Đại học Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh.

** Trường Đại học Hoa Lư - Ninh Bình.

Ngày nhận bài: 16/01/2019; Ngày biên tập: 23/01/2019; Duyệt đăng: 30/01/2019.

khó học những ý tưởng của nhà triết học này, những điều mà họ luôn giải thích bằng một cách làm những người thường hoang mang. Không Tử được xếp trong số những người vĩ đại và những anh hùng mà họ tôn thờ”².

Từ năm 1627, chúa Nguyễn Phúc Nguyên bắt đầu tổ chức kỳ thi tuyển nho sinh để bổ dụng vào cơ quan chính quyền. Tính từ năm 1627 đến năm cuối cùng mở khoa thi tuyển (1799), chính quyền Đàng Trong đã tổ chức 28 cuộc tuyển và đã tuyển được hơn 1130 người gồm có 274 chính đồ (giám sinh), 276 hoa văn, 31 thám phò, 132 nhiều học. Riêng năm 1799, chính quyền Nguyễn Ánh đã tổ chức thi tuyển ở Bình Định để lấy đỗ 400 người³. Nhìn chung chính sách khuyến khích phát triển Nho giáo của các chúa Nguyễn đã đem lại thành tựu đáng kể ở Đàng Trong. Lê Quý Đôn nhận xét: “văn mạch một phương, dầy đặc không dứt, thực đáng khen lắm!”⁴.

Điểm đáng chú ý là những người đứng đầu Đàng Trong chú trọng phát triển dòng Nho giáo “dân tộc hóa”, dòng Nho giáo bình dân trên tinh thần độc lập, tự chủ.

Nho giáo được truyền vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc. Sau thế kỷ X, các triều đại quân chủ độc lập ở nước ta mới chủ động tiếp thu Nho giáo. Dòng Nho giáo chính thống (Nho giáo cung đình) được phát triển. Trần Thị Kim Anh khẳng định: “Nho giáo ở đây là Tống Nho, thứ Nho giáo đã được tôn giáo hóa, triết lý hóa với dụng tâm áp chế tư tưởng ý thức của toàn xã hội”⁵. Bên cạnh đó, Nho giáo cũng được người Việt tiếp thu, chắt lọc, “dân tộc hóa” dưới dạng Nho giáo bình dân. Lịch sử dân tộc đã chứng minh khi nào các triều đại quân chủ rơi vào loạn lạc hoặc những người đứng đầu chính quyền không độc tôn Nho giáo, khi ấy Nho giáo lại thâm nhập mạnh mẽ vào dân gian. Phát triển Nho giáo bình dân là sự thích ứng phù hợp với thực tế Đàng Trong. Từ sau thế kỷ XV, Nho giáo đã thâm nhập sâu hơn vào nhiều mặt của đời sống văn hóa dân gian. Các bản hương ước cũng như nhiều chuyện Nôm khuyết danh ở Bắc Bộ và Trung Bộ thế kỷ XVIII - XIX minh chứng rất rõ điều này. Chính trên cơ sở đó mà hệ thống Nho giáo nhân dân hóa ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ. “Quá trình này lại diễn ra một cách sinh động ở Đàng Trong”⁶. Không trung

thành với Nho giáo chính thống, các chúa Nguyễn trung thành với truyền thống dân tộc. Dòng Nho giáo bình dân được chú trọng, hệ thống thờ tự cũng được “dân gian hóa”. Trường hợp chùa Thiên Tôn là một minh chứng cụ thể: “Chùa này xây dựng vào cuối thế kỷ XVII sau chùa Thiên Mụ, gọi là “Tháp Đức Khổng” là chùa xưa nhất của đạo Phật trong vùng lân cận Huế”⁷. Những giáo điều khắt khe, nghi lễ rườm rà của Nho giáo không bám rễ trong đời sống xã hội của cư dân Đàng Trong nói chung, đặc biệt ở tầng lớp bình dân. Người Đàng Trong tìm đến Nho giáo để bảo tồn truyền thống gia đình, tín ngưỡng thờ tổ tiên và các quan hệ xã hội. “Người Đàng Trong đã rút bớt rất nhiều, chỉ còn giữ lại chừng ba ngàn chữ họ thường dùng để viết bài, thư tín, đơn từ, ký sự và những sự khác không liên quan đến sách in, thiết yếu phải soạn bằng chữ Hán”⁸. Đây là phương thức thích ứng truyền thống của người Việt đối với những luồng văn hóa ngoại lai. Trên tinh thần độc lập, phóng khoáng, các chúa Nguyễn không máy móc tiếp thu toàn bộ nội dung Nho giáo Trung Hoa. Suốt hai thế kỷ tồn tại, hệ thống giá trị trong Nho giáo được các chúa Nguyễn linh hoạt qua lăng kính của những người đi mở cõi. John Barrow phản ánh thực tế Nho giáo đã đi vào trong cuộc sống của tầng lớp bình dân, đáp ứng nhu cầu thực tế của đời sống nhân dân Đàng Trong: “Trên cơ sở các châm ngôn của Khổng Tử được mọc lên hệ thống luân lý, làm quy tắc cư xử ở nước này cũng như ở Trung Quốc. Tuy nhiên, ở đây người ta rất ít chú ý đến các hình thức bề ngoài của luân lý... Thực vậy, nếu chúng được nhắc lại theo ngôn ngữ gốc của chúng (mà chúng sẽ ít được đưa ra) thì người ta sẽ không thể biết được. Nói chung, sự cư xử của họ hình như chưa ảnh hưởng một ít của các châm ngôn trang nghiêm của tôn giáo cũng như của các châm ngôn luân lý”⁹. Có thể nói, Nho giáo theo chúa Nguyễn vào vùng đất mới phương Nam đã thích ứng theo hoàn cảnh mới. Phát triển Nho giáo bình dân là lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tiễn Đàng Trong. Một giáo sĩ Thiên Chúa người Việt là Philipê Bình ghi lại đường lối phát triển Nho giáo bình dân của các chúa Nguyễn qua nghi thức dân chủ và dân dã trong những buổi thiết triều tiếp dân: “Mỗi ngày nhà vương đều ngự ra, để cho thiên hạ ai có việc gì thì kêu, mà chẳng được mượn ai, dù đàn ông hay đàn bà, hay kẻ trọc người hèn, đều được phép vào cho đến trước

mặt nhà vương mà tâu việc mình, mà chẳng được tâu việc gì cho kẻ khác v.v... mỗi tuần lễ một lần buổi mai, là chín ngày một lần vua ngự ra ngồi trên tòa, để thiên hạ vào khải bẩm, mà dân sự vào tâu thì cũng như cha con nói với nhau vậy v.v... ai nói tiếng lịch sự hay quê mùa thì mặc nó, mà chẳng ai được trách quở”¹⁰. Trọng dụng kẻ sĩ xuất thân “thấp hèn” đã cho thấy sự phóng khoáng, thực dụng trong cách tiếp thu lễ lối quy tắc Nho giáo của các chúa Nguyễn. Linh hoạt, thực tế nhưng không cực đoan, có vị Chúa đã hủy kết quả các kỳ thi khi phát hiện có tiêu cực vì mục tiêu chọn được những nho sĩ thực tài.

Trên vùng đất Đàng Trong các chúa Nguyễn đã tiếp nhận Nho giáo một cách linh hoạt, có chọn lọc. Ở Trung Hoa, học thuyết chính trị - xã hội, đạo đức mang tính tôn giáo này được dùng nhằm đề cao quyền huynh thế phụ, xây dựng chế độ tôn pháp, phụ nữ bị xem nhẹ, nhưng ở Đàng Trong, người Việt chủ động tiếp thu đồng thời “Việt hóa” Nho giáo đặc biệt ở dạng Nho giáo bình dân. Hòa thượng Thích Đại Sán đã ghi lại cảnh tượng sinh hoạt của dân Đàng Trong với bản sắc riêng, đặc biệt là truyền thống tôn trọng phụ nữ: “Hai bên bờ người đi, gái nhiều hơn trai, áo mặc chuộng màu hồng, màu lục”¹¹. Người theo Nho giáo ở Trung Quốc luôn phân định đẳng cấp xã hội (sĩ, nông, công, thương), song người dân phía nam Linh Giang không phải lúc nào cũng chú ý tuân theo những chuẩn mực ấy. Sĩ phu Đàng Trong luôn lấy đời sống thực tiễn Đàng Trong làm chân lý. Nho giáo được vận dụng rất thiết thực, bình dị. Nguyễn Cư Trinh từng thể hiện quan niệm về nhân sinh quan của những sĩ phu Đàng Trong: “Dân đã không có hăng sản mà ăn, thì giữ sao được hăng tâm nữa”¹². Không cần thông thạo đủ lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số) vẫn có thể hành đạo, giúp đời và được gọi là nhà Nho. Trong hoàn cảnh ấy những ông đồ ở thôn quê, người làm quan, những người biết chữ Hán làm nghề bốc thuốc, làm thầy phù thủy, làm thầy tướng số cũng đều được chúa Đàng Trong và nhân dân công nhận là “chân Nho” nếu người đó nhân danh và vận dụng đạo đức Nho giáo giải quyết được những vấn đề của đời sống nhân dân. “Dân tộc hóa” là phương thức tiếp thu Nho giáo của người Việt Nam nói chung, người dân Đàng Trong nói riêng và đã

được các chúa Nguyễn chú trọng phát triển. Nhiều nho sĩ xuất thân bình dân vẫn được trọng dụng trong phủ Chúa.

Một đặc trưng của Nho giáo Việt Nam là sự vận dụng có phê phán, linh hoạt vào đời sống thực tế. Mặc dù tiếp thu Nho, đứng trên lập trường Nho giáo, song tư tưởng độc lập, bình đẳng vẫn là dòng chảy bất biến của hệ tư tưởng truyền thống Việt. Những người nắm chính quyền phía nam Linh Giang cũng không ngoại lệ. Trên con đường mưu bá đồ vương, họ Nguyễn đã lấy an dân làm yếu lược, “vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt”¹³ làm cho “quân dân hai xứ thân yên tin phục, cảm thân mến đức, dòi dòi phong tục, chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến mua bán, đổi chác phải giá, quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp”¹⁴. Kết quả từ lựa chọn của chúa Tiên đã thuyết phục mạnh mẽ những vị chúa kế nhiệm ở việc định vị đường lối phát triển cho Nho giáo Đàng Trong.

Trong học thuyết của mình, Không Tử đề cao Tam đức: Nhân, Trí, Dũng. Mạnh tử đề cao Tứ Đaoan (nhân, nghĩa, lễ, trí). Hán Nho thêm “tín” để thành ngũ Thường xem nhẹ chữ “dũng”. Nếu xét theo tiêu chuẩn này, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong ít nhiều đã đi theo con đường “lệch chuẩn” với cương thường mà giới Nho sĩ Trung Hoa đương thời đang theo đuổi (cả Minh Nho và Thanh Nho). Sự kiện chúa Nguyễn Phúc Lan khen con mình là “dũng” năm 1643 hay việc thăng cấp cho Nguyễn Hữu Tiến từ Đội trưởng đốc suất thuyền Định Cầu Nội thủy lên làm Cai đội khi Hữu Tiến chém một Kỳ trưởng trái lệnh quân kèm theo lời khen: “Hữu Tiến và Hữu Dật thực là hổ tướng”¹⁵ là hai dẫn chứng cụ thể cho tinh thần đó. Hành động “trái đạo trung quân” khi tiếp nhận đoàn người “phản Thanh phục Minh”, tìm cách thu phục họ Mạc của những người đứng đầu Đàng Trong không phải là lối hành xử của Tống Nho hay Minh Nho mà là lối ứng xử của Việt Nho. Ngay cách tiếp nhận Nho giáo theo tinh thần viên dung Tam giáo và tín ngưỡng dân gian cũng cho thấy chính quyền Đàng Trong chủ trương phát triển dòng Nho giáo “dân tộc hóa”, bình dân hóa trên vùng đất mới phương Nam.

“Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung” được coi là nguyên tắc tối thượng của nho sĩ ở Trung Hoa. Tuy nhiên khi được khúc xạ qua lăng kính của văn hóa phương Nam, những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong luôn có quan niệm và thái độ khác biệt so với đạo “trung quân” Hoa Hạ. Bằng chính sách viên dung Tam giáo, các chúa Nguyễn tạo điều kiện cho nhiều sĩ phu hướng đến Phật giáo và Đạo giáo. Phật và Lão giúp cho các Nho sĩ nhập thể với tinh thần hòa đồng, thân dân hơn, giúp người quân tử tạo ra sinh lộ “kinh bang tế thế”. Các chuẩn mực Nho giáo thích ứng và tán phát sâu rộng hơn vào đời sống sinh hoạt dân gian ở dạng thức Nho giáo bình dân. Những nguyên lý Nho giáo được vận dụng không nguyên vẹn đã hạn chế giới trí thức Nho học Đàng Trong đi sâu vào các vấn đề triết học và phương pháp luận nhưng lại giúp người ta nhập thể dễ dàng hơn vào hoàn sống thực tại. Chiêu tập những kẻ sĩ như Nguyễn U Dĩ, Mạc Cảnh Huống, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Hữu Tiên, Nguyễn Cư Trinh v.v... làm bề tôi, làm quân sư trong phủ Chúa, những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong đã thể hiện rõ đường lối “phi Hoa Hạ”, tạo dựng nền Nho giáo với tính thực dụng cao nhằm phát huy vai trò của nó trong đường lối xây dựng chính quyền, tổ chức xã hội. Theo phò các chúa Nguyễn vẫn là những kẻ sĩ trung dung giữa đời, trung thành với đạo Khổng, đề cao nghĩa khí song không chỉ “trung quân ái quốc” mà còn nhằm “trung quân dựng quốc” cho họ Nguyễn. Phát triển Nho giáo bình dân là ứng đối phù hợp của các chúa Nguyễn với Nho, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, tạo sung lực cho Nho giáo phát triển ở Đàng Trong.

Tinh thần độc lập luôn được đề cao trong đường lối tiếp thu Nho giáo của các chúa Nguyễn. Hơn hai thế kỷ nắm quyền, những người đứng đầu phủ Chúa vẫn không chú trọng tiếp thu Nho giáo Trung Hoa, mặc dù Nho giáo được chọn làm quốc giáo với đầy đủ tính đại diện chính thống cho cả triều Minh cũng như triều Thanh. Các chúa Nguyễn cho người sang Bắc quốc thỉnh kinh Phật nhưng không mời nho sĩ. Ở Đàng Trong, lực lượng văn thân Hoa kiều, sĩ phu Minh Hương được các chúa Nguyễn dung dưỡng đều thuộc những thành phần bất hảo với triều đình phương Bắc. Họ tập hợp dưới Tao đàn

Chiêu Anh Các theo ý đồ của Mạc tộc ở Hà Tiên hoặc theo họ Trần, họ Dương ở Gia Định, tuy nhiên không có biểu hiện nào cho thấy sự quan tâm, đón nhận của chính quyền Đàng Trong đối với lực lượng này. Ngay cả trường hợp được chúa Nguyễn Phúc Chu miễn tã, trọng đức tôn làm thầy như Thích Đại Sán thì vị hòa thượng đã mang tinh thần “phản Thanh” này càng không thể đại diện cho Bắc triều.

Một điểm đáng chú ý là Nho giáo chính thống ở Bắc Hà từ thế kỷ XVI đã có nhiều biểu hiện suy thoái. Năm 1663, chúa Trịnh phải ban hành 74 điều giáo huấn ngăn cấm dân theo Đạo giáo và Phật giáo nhằm phục hưng Nho giáo. Năm Chính Hòa thứ 4 (1684) vua Lê tiếp tục ra chỉ dụ nhằm bảo vệ luân thường. Mặc dù triều đình Lê – Trịnh cố gắng duy trì sự độc tôn của Nho giáo, song lúc này khó có thể ngăn được đà suy thoái của Nho giáo chính thống. Sự suy đồi đó biểu hiện rõ qua các kỳ thi tuyển. Phan Huy Chú phản ánh tình hình thi hương năm 1750 như sau: “Cho mỗi người nộp 3 quan tiền, không phải khảo hạch, đều được vào thi, cũng gọi là tiền thông Kinh v.v... Trong trường thi, nào mang sách, nào hỏi chữ, nào người mượn thi thay, công nhiên làm bậy, không còn biết phép thi gì cả. Những người thực tài, mười phần không đậu được một v.v... hạng sinh đồ 3 quan đầy cả thiên hạ”¹⁶. Nhưng bức tranh tương phản đã được vẽ trên vùng đất phương Nam. Các chúa Nguyễn hiệu thực tiễn Đàng Trong – vùng đất mới và vẫn đang cần khai phá, ở đây chưa thể trở thành mảnh đất màu mỡ để phát triển dòng Nho giáo chính thống vốn mang nhiều khuôn mẫu khắt khe. Thực hiện phương châm: dân mở trường, nhà nước thi tuyển, các chúa Nguyễn thiên về phát triển Nho giáo bình dân đã tạo ra một sự phát triển đột biến của nho giáo Việt Nam trên vùng đất mới.

2. Nho giáo được sử dụng làm nền tảng tư tưởng để xây dựng thiết chế quân chủ trung ương tập quyền ở Đàng Trong

Đàng Trong thế kỷ XVI - XVIII là vùng đất có nhiều hỗn loạn, các quy phạm đạo đức đang trong quá trình định hình nên xã hội rơi vào cảnh “thiên hạ vô đạo”, đặc biệt tại những địa điểm mới được khai phá. Muốn cải biến và ổn định xã hội có thể tiến hành từ trên xuống, cũng có thể đi từ dưới lên. Nho giáo đáp ứng được yêu cầu làm nền

tăng tư tưởng cho những người kinh bang tế thế xây dựng thiết chế chính trị, ổn định trật tự xã hội Đàng Trong. Nho sĩ là trí thức có quan hệ mật thiết với chính trị, tham dự vào xã hội, trọng văn hóa. Không ước mong Thiên đường, không vọng tới Niết bàn, Tiên giới, Nho giáo phủ định cuộc sống hoàn toàn thoát tục đó bằng những hành động tu thân, tề gia gắn liền với đời sống hiện thực. Xã hội loạn phải giúp đời dẹp loạn, sửa mình trước rồi ra hành đạo giúp đời. Kẻ sĩ là người nhập thế, tin rằng thông qua việc tu thân, dưỡng tính cá nhân hằng ngày có thể cải biến xã hội đạt đến thế giới đại đồng theo một trật tự ổn định. Đối với các chúa Nguyễn, lý tưởng chính trị của Nho giáo có tác dụng tu dưỡng bản thân thân đồng thời giáo hóa dân. “Tu kỷ”, tự lập rồi giúp người thành đạt để nhằm được mục đích an dân và đi đến đích cuối cùng là “bình thiên hạ”. Giữa những người đứng đầu chính quyền và lực lượng kẻ sĩ Đàng Trong gặp nhau ở mẫu số chung về lý tưởng tu, tề, trị, bình. Các chúa Nguyễn tìm thấy ở Nho giáo nền tảng tinh thần thiết yếu có thể đạt mục tiêu chính trị, cũng trong điều kiện ấy, lực lượng nho sĩ sẽ sẵn lòng trở thành công cụ đắc lực để thực hiện mục tiêu đó.

Những người đứng đầu phủ Chúa cố gắng sử dụng Nho giáo làm phương tiện thu phục nhân tâm, tạo mô thức tổ chức xã hội Đàng Trong. Tuân theo các nguyên tắc Nho giáo sẽ giúp những người đứng đầu phủ Chúa từng bước biến nhà thành nước, xây dựng một Đàng Trong độc lập. Thực hiện đường lối đó, khi chưa có đủ các điều kiện để đào tạo ra một đội ngũ nho sĩ đông đảo, Nguyễn Hoàng không câu nệ phép tắc tuyển lựa khắt khe, ngược lại đã rất rộng lòng hậu đón nhân tài, thu phục đội ngũ sĩ phu Đàng Ngoài để xây dựng và củng cố chính quyền theo hướng đức trị. Chính sách này được các chúa nối ngôi duy trì. Ở Đàng Trong, Nguyễn Ư Dĩ, Mạc Cảnh Huống, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến, hay Chu Hữu Tài v.v... là những nhân vật tiêu biểu được tin dùng trong phủ Chúa. Thực tế cho thấy, tất cả các vị chúa đều dùng người thông hiểu Nho giáo làm quân sư giúp mình hoạch định các chính sách trị quốc bình dân. Bắt đầu từ giai đoạn chúa Nguyễn Phúc Nguyên nắm quyền, lực lượng kẻ sĩ dần được tuyển dụng vào các cơ quan hành chính địa phương. Dựa

trên từng thứ bậc cao thấp các nho sĩ đã vượt qua các kỳ khảo thí sẽ được người đứng đầu phủ Chúa bổ nhiệm chức tri phủ, tri huyện quản lý chính quyền hoặc huấn đạo, lễ sinh giúp việc trong ba ty Xá sai, ty Lệnh tử và ty Tướng thần lại. Trên thực tế hơn một ngàn nho sĩ đã được bổ dụng vào bộ máy chính quyền, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng và duy trì chế độ Đàng Trong hơn hai thế kỷ tồn tại.

Xuất thân từ nền tảng Nho giáo Bắc Hà, ra đi tìm đất lập thân, họ Nguyễn dễ bị coi là “cát cứ”, “tạo phản” bởi quan niệm trung quân ái quốc truyền thống Nho giáo. Chỉ Nho giáo thôi là chưa đủ, bởi lòng “trung” theo Nho giáo ở Đại Việt lúc này trước tiên dành cho vua Lê – họ Lê. Hành động của họ Mạc được xem là “tiếm ngôi”. Họ Trịnh mặc dù nắm mọi quyền hành ở Đàng Ngoài song hiểu rằng “Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong”, do đó vẫn phải duy trì mô hình “lưỡng đầu chế”. Chính họ Nguyễn cũng phải thực hiện nhiệm vụ đó với tư cách bề tôi. Điều này phần nào khiến cho các chúa Nguyễn không thể độc tôn Nho giáo. Hơn nữa, thực tiễn vùng đất mới phương Nam thì lòng trung theo tinh thần Nho giáo chỉ là thứ cấp. Các chúa Nguyễn cần lòng người hướng về mình như hướng về một lãnh tụ, chúa một phương, địa vị ít nhất cũng phải ngang với chúa Trịnh chứ không chỉ như một vị quan nhận lệnh vua Lê – chúa Trịnh ra trấn nhậm vùng biên ải. Bên cạnh đó, khác với thiết chế mà nơi đó tính tự trị và dân chủ làng xã đã được Nho giáo củng cố lâu đời như Đàng Ngoài, những cộng đồng xóm ấp ở Đàng Trong trước hết cần một tấm gương, một “thủ lĩnh” về lối sống tốt, có khả năng chiêu dân lập ấp, khai phá đất đai, có thể có khả năng chữa bệnh cứu người chứ chưa phải là những người quân tử nhất nhất theo các chuẩn mực của Thánh Hiền. Li Tana có cơ sở khi khẳng định: “Không thể sử dụng Nho giáo vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ li khai và nổi loạn với triều đình. Tuy nhiên, họ Nguyễn lại không dám đi quá xa và không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt phía Bắc”¹⁷. Từ bước thoát hiểm đầu tiên (1558) cho đến khi quyết tâm tạo lập sự nghiệp trên vùng đất mới Đàng Trong, vấn đề sống còn của họ Nguyễn là phải từng bước dựa vào Tam giáo để

khẳng định tính chất hợp lòng dân, thuận ý Trời, làm tinh thần chủ đạo trong chiến lược nhân tâm cho chính thể mới. Thực tiễn buộc những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong phải lựa chọn không chỉ một hệ tư tưởng, một tôn giáo đại diện cho chính quyền, các chúa Nguyễn đã dựa vào tư tưởng Nho giáo kết hợp với tinh thần Phật giáo và Lão giáo để trị nước. Đường lối này hoàn toàn phù hợp với Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII. Như vậy, trên con đường dựng nghiệp các chúa Nguyễn chủ trương lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng “chính thống” nhưng không thành công. Một mặt do Nho giáo chưa phát triển, lực lượng nho sĩ mỏng, trình độ còn hạn chế, mặt khác trong giai đoạn đầu, đội ngũ sĩ phu theo chúa Tiên vào phía nam Linh giang đa số là những người vốn đã bất mãn với chính quyền phong kiến Lê – Trịnh, bất mãn với chế độ khắc khe của Nho giáo ở Đàng Ngoài. Hơn nữa, với số lượng hạn chế, lực lượng này chỉ có thể tạo ảnh hưởng chủ yếu ở vùng Thuận Hóa. Sang thế kỷ XVIII, mặc dù số lượng nho sĩ đã phát triển, song trên vùng đất mới khai phá, những chuẩn mực xã hội vẫn đang trong giai đoạn định hình, đặc biệt ở xứ Đồng Nai – Gia Định. Mặt khác, chiến tranh diễn ra liên miên buộc các chúa Nguyễn phải duy trì một chính quyền quân sự. Hoàn cảnh như thế không tạo ra môi trường thuận lợi để Nho giáo chính thống phát triển, các chúa Nguyễn khó có thể độc tôn Nho giáo, lấy đó làm nền tảng tư tưởng duy nhất cho thiết chế quân chủ trung ương tập quyền. Nói cách khác, Nho giáo không đủ giúp chính quyền Đàng Trong giải quyết được tất cả các vấn đề thực tiễn diễn ra. Những người đứng đầu phủ Chúa đã tìm đến nhiều tôn giáo tín ngưỡng, chủ yếu là Tam giáo để bổ sung cho Nho giáo, tạo ra một nền tảng tư tưởng, đảm bảo sự tồn tại chế độ Đàng Trong.

3. Nho giáo được phát triển nhằm thực hiện mục tiêu xác lập chủ quyền và tạo dựng văn hóa Đàng Trong

Hơn một nghìn nho sĩ được tuyển dụng đã minh chứng cho chính sách đề cao Nho giáo trong quá trình dân sự hóa chính quyền, đồng thời thể hiện khát vọng làm chủ vùng đất phương Nam của chính quyền các chúa Nguyễn. Cuộc sống của nho sĩ trên vùng đất mới không tách biệt, ngược lại luôn gắn bó với nhân dân, góp phần tích

cực vào sự hình thành tính năng động, sáng tạo của chủ thể văn hóa Đảng Trong. Nhận thức được điều này, thông qua lực lượng nho sĩ, các chúa Nguyễn đã sớm chú ý khai thác tính tích cực của Nho giáo trong quá trình mở đất phương Nam. Từ khi vào trấn thủ Thuận Hóa, song song với chính sách phát triển Phật giáo và Đạo giáo, Nguyễn Hoàng bắt đầu đề cao đạo Nho, lấy Nho giáo làm nòng cốt xây dựng chính quyền thế tục. Ngay trong khi chưa đủ sức mạnh để công khai phủ nhận chính quyền Lê – Trịnh, họ Nguyễn ở Thuận Hóa khẳng định vương quyền bằng một lý luận “trung quân” Nho giáo với khẩu hiệu chính trị “phù Lê”. Như vậy, các chúa Nguyễn lấy Nho giáo làm chuẩn mực cả về tri thức lẫn cách thức đối phó cũng như thái độ ứng xử trước những tình huống chính trị nảy sinh trong quá trình tranh bá đồ vương. Đồng thời, với chính sách thu hút nhân tài, nho sĩ Bắc Hà, các chúa Nguyễn tạo điều kiện cho việc mở rộng nho học trong dân chúng khắp các địa phương, tạo điều kiện cho Nho giáo phát triển. Chính sách này trở thành công thức được áp dụng suốt lịch sử tồn tại Đảng Trong: người Việt tới đâu, Nho giáo đồng hành để xác lập và khẳng định quyền thống trị của các chúa Nguyễn tới đó. Khi chưa thể với tay ra khắp vùng đất mới khai phá, các chúa Nguyễn đã sử dụng chiêu bài phong vương, phong tước, phiên thần dựa trên tư tưởng đạo Nho để khẳng định vai trò và quyền hành của mình. Chẳng hạn, năm 1658, chúa Nguyễn Phúc Tần bắt được vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân ở Sài Gòn, nhưng sau đó “tha tội cho và sai hộ tống về nước, khiến (phong làm) làm phiên thần, hàng năm nộp cống”¹⁸. Chấp nhận cho đoàn người “phản Thanh phục Minh” định cư tại Gia Định – Đồng Nai hay ban cho họ Mạc làm thủ lĩnh vùng Hà Tiên, những người đứng đầu phủ Chúa đã dựa vào tư tưởng “trung quân” để “Việt hóa” các nhóm Hoa kiều này, tạo điều kiện để họ “vỡ hoang, dựng phố xá v.v... do đó mà phong hóa Hán (ý nói phong hóa văn minh) thâm dần vào đất Đông Phố”¹⁹. Kết quả là đến năm 1698 chúa Nguyễn Phúc Chu “thuận ý trời, hợp lòng dân”, phái Nguyễn Hữu Cảnh vào lập dinh Trấn Biên và Phiên Trấn. Năm 1708 tuyên bố bảo hộ vùng Hà Tiên. Năm 1755 cơ bản làm chủ toàn bộ vùng Tây Nam Bộ ngày nay. Đây là phương cách hữu hiệu được các chúa Nguyễn sử dụng để khẳng định tính chính thống, đồng thời xác lập chủ quyền lãnh thổ.

Bên cạnh đó, Văn miếu được mọc lên trên các vị trí “huyết đạo”, ở nhiều địa phương nhằm mở rộng phong hóa, khai thông “long mạch” ở vùng đất mới Đàng Trong. Ngoài Văn miếu Long Hồ tại kinh thành Phú Xuân, chính quyền chúa Nguyễn cho dựng Văn miếu Bình Khang (ở phủ Bình Khang) Văn miếu Trấn Biên (ở phủ Gia Định), Văn miếu Vĩnh Trấn (ở dinh Long Hồ). Ngay sau khi lên ngôi năm 1802, Nguyễn Ánh chủ trương ở mỗi dinh một Văn miếu: “Sai các dinh trấn đều lập nhà Văn miếu, mỗi miếu đặt 2 người điển hiệu, lễ sinh và miếu phu đều 30 người”²⁰. Chúng ta biết giai đoạn này toàn bộ lãnh thổ Đàng Trong được phân thành 12 dinh. Như vậy, chính quyền Đàng Trong chủ trương dựng 12 Văn miếu từ Quảng Bình trở vào. Mặc dù kế hoạch này không đạt được kết quả bởi lúc này quân Nguyễn đang phải dốc hết lực lượng tấn công Tây Sơn, thống nhất đất nước nhưng cũng thể hiện rất rõ tinh thần đề cao Nho giáo, các Văn miếu lúc này trở thành tượng đài tuyên ngôn về chủ quyền của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Vùng đất Đàng Trong nảy sinh nhu cầu thống nhất, trong quá trình đó biện pháp quân sự không phải là phương kế để “vận đại dụng thân” cho họ Nguyễn. Hành động tự phân chia địa bàn giữa ba anh em Tây Sơn năm 1787 là một minh chứng rõ ràng. Trong hoàn cảnh đó, Nho giáo có ưu điểm trong việc xây dựng một chính quyền quân chủ tập quyền và thống nhất lãnh thổ. Dựa vào luân lý Khổng Mạnh, các chúa Nguyễn có thể buộc tất cả những kẻ ngụ cư hoặc bị biến thành “ngụ cư” phải chịu thuần phục chính quyền Đàng Trong. Dùng Nho giáo làm vũ khí tư tưởng, họ Nguyễn tìm thấy những nguyên tắc tổ chức chế độ quân chủ trung ương tập quyền. Nếu như Nho giáo ở Đàng Ngoài giai đoạn này đang trên đường suy thoái, thì ngược lại, học thuyết chính trị - đạo đức này được du nhập và phát triển trên vùng đất phương Nam với nhiều nội dung đã được “dân tộc hóa”, “bình dân hóa” vẫn nhiều tác dụng tích cực. Các chúa Nguyễn đã biết vận dụng một cách linh hoạt để phát huy vai trò của Nho giáo trong việc xây dựng chính quyền, tạo lập trật tự xã hội. Trên thực tế các chúa Nguyễn đã biết sử dụng Nho giáo để tạo ra một “vương triều chính thống” và cố gắng làm cho tư tưởng ấy lan tỏa vào tâm thức của mọi người dân mà đại diện là tầng lớp sĩ phu đương thời. Mang tinh thần của Nho

giáo đề “thể thiên hành đạo”, các chúa Nguyễn vươn cánh tay quyền lực xuống từng thôn ấp. Nho giáo phủ lên ý thức trung quân tinh thần đạo nghĩa, thống nhất lý tưởng làm người với trách nhiệm bề tôi ở mỗi thần dân Đàng Trong. Chính Nho giáo, với hệ thống luân lý cổ vũ và bảo vệ cho tính “tiết nhiên định phận” về quyền sở hữu và quản lý của các chúa Nguyễn đối với những vùng đất mới đã góp phần không nhỏ giúp các chúa Đàng Trong xác lập chủ quyền trên toàn bộ lãnh thổ phương Nam.

Nho giáo tham gia hoàn tất quá trình Việt hóa về mặt chính trị và tư tưởng. Dùng Nho giáo làm đường lối trị quốc, an dân, các chúa Nguyễn đã tạo cơ chế cho nhân dân chung sức thực hiện tạo dựng nền văn hóa mới. Trên phương diện này, Nho giáo trở thành cầu nối tiếp biến văn hóa. Lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chủ đạo, các chúa Nguyễn đã tạo nên một cơ cấu xã hội năng động, thích hợp với hoàn cảnh thực tiễn Đàng Trong. Nói cách khác, Nho giáo được khuyến khích phát triển và đã trở thành một nhân tố quan trọng tạo nên những giá trị văn hóa – xã hội mới trên vùng đất mà phần lớn lãnh thổ mới được khai phá và còn cần tiếp tục khai phá. Sự phát triển của Nho giáo ở Đàng Trong không chỉ hiện diện như một hệ thống chuẩn mực xã hội, nó còn là thành tố quan trọng tạo dựng nên văn hóa phương Nam.

Gần hai trăm năm mở đất dựng làng, tầng lớp nho sĩ Đàng Trong nhìn chung rất gần gũi với đời sống dân dã. Chẳng hạn, Đào Duy Từ xuất thân từ gia đình đào hát, Trịnh Hoài Đức gốc thương nhân Minh Hương, Lê Quang Định lưu lạc trong dân gian lo toan sinh kế từ nhỏ,... là những trường hợp tiêu biểu. Nguồn xuất thân cùng với môi trường xã hội đã đào luyện tầng lớp Nho sĩ Đàng Trong thành những Nho sĩ bình dân. Lực lượng nho sĩ Đàng Trong truyền bá đạo đức Nho giáo, đồng thời cũng là những người hòa mình vào đời sống cộng đồng qua hoạt động chính trị và xã hội, phục vụ chế độ quân chủ dưới thân phận bề tôi của chúa Nguyễn. Do đó, họ vừa có khả năng đồng hành với nhân dân vừa có khả năng đi theo lợi ích của người thống trị. Trên phương diện này, tầng lớp nho sĩ có những đóng góp quan trọng trong việc hun đúc nên diện mạo văn hóa Đàng Trong. Dù không phải là cộng đồng dân cư bản địa, nhưng chính sự có mặt của người Việt đã

thúc đẩy nhanh chóng và mang lại thành quả lớn lao trong công cuộc khai phá đất phương Nam, đồng thời khẳng định sự thắng thế của văn hóa Việt mà trong đó Nho giáo là một phần nền tảng tư tưởng.

4. Hệ quả của chính sách

Trên phương diện văn hóa, hơn hai thế kỷ các chúa Nguyễn cố gắng lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng “chính thống” trong việc xây dựng thiết chế nhà nước theo hướng quan liêu hóa nhưng không thành công. Thay vì độc tôn Nho giáo, các chúa Nguyễn đã thực thi chính sách viên hòa tôn giáo với chủ đạo là Tam giáo đồng nguyên để tạo dựng nền tảng tinh thần xã hội Đàng Trong. Các chúa Nguyễn đã thực hiện chính sách viên dung tôn giáo trong việc thiết lập chính quyền và xây dựng thiết chế văn hóa - xã hội. Điều này khiến cho Nho giáo ở Đàng Trong mang nét riêng biệt, chẳng hạn như vùng Gia Định: “Nho giáo ở Gia Định đã được các tầng lớp nhân dân địa phương coi như truyền thống chủ yếu trong ý nghĩa là một phương hướng để xây dựng thiết chế văn hóa - xã hội Việt Nam qua bước đầu khai phá đồng bằng Nam Bộ. Sự khác biệt quan trọng về cội nguồn cũng như chức năng như vậy khiến cho Nho giáo ở Gia Định thế kỷ XVIII - XIX mang nhiều đặc điểm riêng biệt về nội dung cũng như tính chất, về quá trình hình thành cũng như con đường phát triển, về tác dụng lịch sử cũng như ý nghĩa văn hóa”⁽²¹⁾. Viên dung Tam giáo được chính quyền Đàng Trong nỗ lực xây dựng và duy trì nhằm mục tiêu “đề tỵ khí thiêng, cho bền long mạch”²². Chính điều này đã tạo ra tính “mở” cao, hình thành bản sắc riêng thúc đẩy sự phát triển văn hóa Đàng Trong. Đi trên con đường tự chủ, các chúa Nguyễn “thuận Thiên thừa vận” khuyến khích loại Nho giáo vốn đã được “dân tộc hóa” để nhanh chóng tạo ra tầng lớp nho sĩ bình dân. Hệ quả mang lại tất yếu, lực lượng kẻ sĩ này đã đóng vai trò quan trọng hơn so với hạng Nho giáo chính thống, giúp các chúa Nguyễn thuận lợi trong việc tạo dựng thiết chế văn hóa, mở đường cho sự phát triển Đàng Trong. Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh nhận định: “Trên phương diện là hệ thống các tri thức “quan phương” về lịch sử và tư tưởng, chính trị và pháp quyền, khoa học và giáo dục, đạo đức và nghệ thuật, phong tục và lối sống..., Nho giáo đã đóng vai trò là yếu tố định hướng – dự báo cho tiến trình xã

hội của người Việt ngay từ những năm đầu khai phá vùng đất Nam bộ của Tổ quốc, đồng thời với tính chất là yếu tố “chính thống” trong cơ cấu hoạt động, quan hệ và thiết chế xã hội truyền thống nó cũng ít nhiều mang chức năng như hệ thống định chuẩn – điều chỉnh trong tiến trình văn hóa của cộng đồng Việt Nam ba thế kỷ trước ở địa phương”²³. Bên cạnh đó, tinh thần viên dung tôn giáo của các chúa Nguyễn còn được thể hiện rõ qua chính sách phát triển đồng hành nhiều hệ tư tưởng, nhiều tôn giáo, kể cả tôn giáo mới mà nhiều nội dung trái ngược với đạo lý cương thường Nho giáo. Các chúa Nguyễn chú trọng phát triển dòng Nho giáo bình dân, thi hành chính sách đồng tồn tôn giáo suốt thế kỷ XVII - XVIII. Trên tinh thần ấy, Nho giáo đã góp phần quan trọng trong việc hóa giải xung đột tôn giáo, tạo dựng một thiết chế chính trị – xã hội và bản sắc văn hóa phương Nam.

Trên lĩnh vực chính trị - xã hội, chính sách dùng Nho giáo làm nền tảng tư tưởng để xây dựng thiết chế quân chủ tập quyền, các chúa Nguyễn đã cho thực thi một loạt chính sách khuyến khích phát triển Nho học nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng đường lối trị quốc. Một lực lượng đáng kể nho sĩ được bổ dụng vào bộ máy chính quyền, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng và duy trì chế độ Đàng Trong.

Dựa trên những chuẩn mực Nho giáo, các chúa Nguyễn đã xây dựng được một “vương triều chính thống” ở Đàng Trong. Đến cuối thế kỷ XVIII, bằng chính sách phát triển Nho giáo của chính quyền Đàng Trong, một lực lượng đáng kể sĩ phu đã hiện diện trên ở Đàng Trong, giúp chính quyền chúa Nguyễn xác lập chủ quyền, tạo dựng chế độ. Kết quả của chính sách trọng Nho đã tạo ra một trong những yếu tố bảo đảm cho sự tồn tại của chế độ Đàng Trong hơn hai thế kỷ. Khi Nguyễn Phúc Thuần rời khỏi kinh thành Phú Xuân vào Nam, đã có nhiều nho sĩ đi theo, biến Gia Định trở thành một trung tâm Nho giáo từ cuối thế kỷ XVIII. Năm 1777, Tham tán Nguyễn Đăng Trường theo chúa Nguyễn với câu trả lời trước khi bị tử hình: “Đại trượng phu ở đời, trung hiếu làm đầu. Ta nay dắt mẹ đi tìm vua, điều nghĩa rõ ràng”²⁴; năm 1783 Chương Thủy dinh Tôn Thất Cốc từ chối lời kêu gọi của Tây Sơn: “Ta thà làm vua ở Đống Phố, không thèm làm tôi của Tây Sơn”²⁵; năm 1785 Điều khiển Dương Công Trừng quyết theo

Nguyễn Ánh chống Tây Sơn: “Ta hàng các người là dối, bỏ các người là nghĩa. Chủ ta còn đó, ta không có lý gì lại hàng các người”²⁶ là những minh chứng tiêu biểu. Bằng những chính sách cụ thể của chính quyền các chúa Nguyễn, Nho giáo ở Đàng Trong các thế kỷ XVII - XVIII đã để lại dấu ấn sâu đậm trong ý thức xã hội Đàng Trong, ngay cả khi nó tỏ ra bất lực trước yêu cầu của lịch sử, vẫn có những người như Nguyễn Đình Chiểu hết lòng tín ngưỡng hệ thống luân lý này: “một chữ cương thường giăng cả nước – hai câu trung hiếu dựng nên nhà”²⁷. Tuy nhiên, chính sách này cũng đưa đến hệ quả tiêu cực, đặc biệt từ cuối thế kỷ XVIII, khi Nho giáo được họ Nguyễn sử dụng làm ngọn cờ quy tụ lực lượng chống lại Tây Sơn. Lực lượng sĩ phu Đàng Trong bị phân hóa thành các phe nhóm khác nhau, nhưng phần đa thuộc nhóm thủ cựu, đã lựa chọn con đường trung thành với họ Nguyễn mặc dù lúc này những người đứng đầu phủ Chúa không còn khả năng đề ra đường lối tiến bộ để duy trì và phát triển Đàng Trong. Năm 1776, Đỗ Thanh Nhơn viết hịch can vương quy tụ hơn 3000 nông dân tại Ba Giồng (thuộc Cai Lậy, Tiền Giang ngày nay) chống lại quân Tây Sơn; Lê Công Trấn và Phạm Điền hợp quân tấn công Tây Sơn ở Bến Nghé là những minh chứng cụ thể cho hành động bảo vệ tính “chính thống” của họ Nguyễn. Lý luận Nho giáo được các chúa Nguyễn phát triển hơn hai trăm năm vô hình dung đã tạo ra lực cản trên con đường đi lên của dân tộc bởi thời điểm này Nguyễn Ánh chỉ lợi dụng đạo nghĩa trung quân của Nho giáo để thực hiện chống lại đối thủ vừa là kẻ thù chính trị đồng thời là kẻ thù giai cấp chứ không phải nhằm mục tiêu thống nhất, phát triển quốc gia.

Mặt khác, đạo Nho với hệ thống tư tưởng cổ vũ và tuyên truyền cho việc tôn thờ một ông vua, có tác dụng tích cực bảo vệ chế độ chuyên chế và tôn ti, trật tự xã hội – một trật tự xã hội không thay đổi và không muốn thay đổi. Nho giáo thiên về tôn quân, thương dân, chăm sóc chứ không dân chủ, là công cụ hữu hiệu cho việc xây dựng một nhà nước quân chủ chuyên chế. Trong khi đó, công cuộc khai phá vùng đất mới Đàng Trong yêu cầu người ta “phải làm những gì” hơn là “phải như thế nào”. Thách thức lớn và trước mắt của người dân lúc này đến bởi thiên nhiên nhiều hơn chứ chưa phải từ sự bóc lột giai cấp. Do đó, những chế định khắt khe theo lễ giáo và đẳng cấp trong

Nho giáo buộc người ta phải tuân hành trở nên không tương trên vùng đất mới phương Nam. Đến đầu thế kỷ XIX (năm 1802), Nguyễn Ánh phải thừa nhận một thực tế: “Đạo trị dân giáo hóa vẫn nên làm trước. Nhưng nay dân mới trải qua thời loạn, nhiễm thói xấu đã lâu, chưa tin giáo hóa mới, trong phép trị mới loạn, hình phạt không thể dùng được. Cần phải lấy lòng kính thương mà làm cẩn thận thế nào đó thôi”²⁸. Trong hoàn cảnh Nho giáo không đủ giúp chính quyền Đàng Trong giải quyết được tất cả vấn đề, những người đứng đầu phủ Chúa đã tìm đến Phật và Lão để bổ sung cho Nho, tạo ra nền tảng tư tưởng, đảm bảo sự tồn tại chế độ. Dựa trên thực tế để hoạch định đường lối trị quốc, các chúa Nguyễn đã biết tiếp nối truyền thống “Việt hóa” Nho giáo, vận dụng linh hoạt, khai thác được ưu thế của Nho giáo tạo nên sức sống mới cho học thuyết chính trị - đạo đức mang tính tôn giáo này ở Đàng Trong. Nhưng hệ quả từ đường lối trị quốc linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh Đàng Trong đó cũng đưa đến sự thất bại trong chủ trương độc tôn Nho giáo của những người đứng đầu phủ Chúa. Các chúa Nguyễn không thể độc tôn bất kỳ tôn giáo cũng như hệ tư tưởng nào. Do đó, Nho giáo không trở thành hệ tư tưởng chính thống. Hệ quả dẫn đến trên thực tế ở một số thời điểm, tại một số nơi, các chúa Nguyễn khó có thể dùng những chế định Nho giáo để quản lý dân cư và ràng buộc được phiên thần cũng như các lực lượng muốn ly khai. Đàng Trong tiềm ẩn nguy cơ của sự cát cứ và sẽ bùng phát khi chính quyền trung ương không đủ sức duy trì quyền lực của mình, đặc biệt ở những vùng xa trung tâm, đưa đến đến hậu quả tiêu cực không chỉ cho chính quyền Đàng Trong thời các chúa Nguyễn mà còn cho cả giai đoạn sau năm 1802, khi Gia Long vẫn phải chấp nhận sự tồn tại của hai tổng trấn Bắc thành và Gia Định thành.

5. Kết luận

Sau hàng trăm năm được “dân tộc hóa”, Nho giáo đã theo chân người Việt đi mở cõi phương Nam. Trong sự “va chạm” giữa các tôn giáo và luồng tư tưởng ở phía nam Linh Giang, Nho giáo được những người đứng đầu phủ Chúa chú trọng tiếp thu, phát triển và sử dụng trong đường lối trị quốc. Không thể phủ nhận một thực tế là trong suốt lịch sử tồn tại Đàng Trong, Nho giáo đã đồng hành và là thành tố quan

trọng tạo dựng văn hóa phương Nam. Tư duy của những người đi mở cõi đã đưa đến chính sách phát triển một cách phóng khoáng dòng Nho giáo bình dân khiến cho Nho giáo trên vùng đất Đàng Trong dễ dàng đồng hành, viên dung cùng các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Chính tinh thần viên dung Tam giáo đã đưa đến mô hình kiến quốc theo cấu trúc: “đất Chúa - chùa làng - phong cảnh Bụt”, tạo cuộc sống an lạc, ổn định cho những người dân xa thân mở mang lãnh thổ suốt hai thế kỷ, đồng thời quyết định sự tồn tại của chế độ Đàng Trong. Các chúa Nguyễn tỏ ra biết vận dụng một cách linh hoạt những nội dung của Nho giáo trong xây dựng và vận hành hệ thống chính trị. Lấy Tam giáo làm hệ tư tưởng chủ đạo để đồng hành với nhiều luồng tư tưởng và tôn giáo khác, các chúa Nguyễn đã tạo nên một cơ cấu văn hóa – xã hội năng động. Sau hơn hai thế kỷ, Đàng Trong tạo được tiềm năng phát triển lớn lao mà Nguyễn Ánh sẽ là người thừa hưởng thành quả đó. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, viên dung tôn giáo là con đường phát triển phù hợp với Đàng Trong. Tuy nhiên, mong muốn chọn Nho giáo làm hệ tư tưởng “chính thống” của các chúa Nguyễn đã không thành công. Một phần do chiến tranh diễn ra liên miên buộc người đứng đầu Đàng Trong phải duy trì chính quyền quân sự. Mặt khác, trên vùng đất mới do lực lượng Nho sĩ mỏng và trình độ hạn chế nên chưa đáp ứng được nhu cầu lịch sử. Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn đã thi hành một chính sách linh hoạt, hỗn dung tôn giáo nên Nho giáo không thể trở thành quốc giáo.

Bên cạnh đó, chính sách không độc tôn Nho giáo luôn tiềm ẩn nguy cơ cát cứ, đặc biệt khi chính quyền trung ương không đủ mạnh để cột chặt các lực lượng muốn ly khai đặc biệt ở những vùng xa trung tâm. Điều này dẫn đến hệ quả tiêu cực, khi chính quyền trung ương không đủ duy trì chế độ chuyên chế tập quyền. Hạn chế này càng tăng lên khi những người đứng đầu triều Nguyễn sau này chú trọng phát triển Nho giáo thiên về kinh viện với những sản phẩm cùng một khuôn mẫu, tạo ra lớp người giáo điều, các yếu tố năng động của giới Nho sĩ bị triệt bỏ. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 140.

- 2 Pierre Poivre, Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Description de la Cochinchine (1749 - 1750), (Cuộc hành trình của Pierre Poivre đến xứ Đàng Trong. Mô tả xứ Đàng Trong (1749 - 1750), bản định của Huỳnh Thị Anh Vân trong “Huế Xưa & Nay” số 88 (2008)) Huế. tr.74.
- 3 Tác giả thống kê từ *Nam triều công nghiệp diễn chí*, (tr. 161, 630), *Đại Nam thực lục – Tiền biên* (tr. 49, 57, 75, 81, 90, 108, 110, 112, 114, 132, 137, 138, 172, 274, 334, 403) và *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (tr. 159, 138, 139, 162), các cuộc tuyển thi được tổ chức vào các năm 1627; 1632; 1646; 1647; 1652; 1660; 1667; 1675; 1679; 1684; 1688; 1694; 1695; 1701; 1707; 1713 (2 lần vào tháng 4 và tháng 8); 1721; 1723; 1728; 1738; 1740; 1768; 1781; 1791; 1796; 1799. Tiếc rằng nguồn tài liệu này chỉ đề cập sơ lược về những cuộc thi tuyển, hơn ½ trong tổng số 28 khoa thi tác giả không thể xác định rõ số lượng người trúng tuyển.
- 4 Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập I, Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 243.
- 5 Viện Triết học (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 114.
- 6 Cao Tự Thanh (2005), “Nho giáo với lịch sử Việt Nam”, *Hán Nôm*, số 1(68), tr. 29.
- 7 Nhà xuất bản Thuận Hóa (1997), *Những người bạn Cố đô Huế, tập I*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 160.
- 8 Borri Cristophoro (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621* (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 72.
- 9 John Barrow (1806), *A Voyage to Cochinchina, in the Years 1792 and 1793*, (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792 - 1793, T. Cadell và W. Davies, London, tr. 69.
- 10 Cao Tự Thanh (1996), *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 21.
- 11 Thích Đại Sán (1993), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam dịch và chú giải, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 34.
- 12 Viện Triết học (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 114.
- 13 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 37.
- 14 Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập I, Phủ biên tạp lục*, sdd, tr. 50.
- 15 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007, sdd, tr. 151.
- 16 Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 3, Nxb. Sử học, Hà Nội, tr. 19.
- 17 Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong - lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb. Trẻ, Hà Nội, tr. 194.
- 18 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 37.
- 19 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 37.
- 20 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 546.
- 21 Cao Tự Thanh (2010), *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 41.
- 22 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 37.
- 23 Cao Tự Thanh (1910), *Nho giáo ở Gia Định* (tái bản có bổ sung), Nxb. Văn hóa Sài Gòn, tr. 9.
- 24 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 37.

- 25 Cao Tự Thanh (2010), *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 41.
- 26 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sđd, tr. 37.
- 27 Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Nho giáo ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 114.
- 28 Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sđd, tr. 37.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Borri Cristophoro (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621* (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 3, Nxb. Sử học, Hà Nội.
3. Lê Quý Đôn (1977), *Lê Quý Đôn toàn tập, tập I, Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nhà xuất bản Thuận Hóa (1997), *Những người bạn Cổ đô Huế, tập I*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Li Ta Na (1999), *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, (Nguyễn Nghị dịch), Nxb. Trẻ, Hà Nội.
6. Châu Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Lê Hương dịch, Kỷ Nguyên mới xuất bản, Sài Gòn.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Nxb. Thuận Hóa, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 1*, (Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1,2,3,4,5 Nxb. Thuận Hóa, Huế.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục – tiền biên, tập 1*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2014), *Đại Nam liệt truyện – chính biên, tập 1,2*, (Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính), Nxb. Thuận Hóa, Huế.
12. Thích Đại Sán (1993), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế – Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam dịch và chú giải, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
13. Cao Tự Thanh (2005), “Nho giáo với lịch sử Việt Nam”, *Hán Nôm*, số 1(68).
14. Cao Tự Thanh (1910), *Nho giáo ở Gia Định* (tái bản có bổ sung), Nxb Văn hóa Sài Gòn.
15. Pierre Poivre, *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine. Description de la Cochinchine (1749 - 1750)*, (Cuộc hành trình của Pierre Poivre đến xứ Đàng Trong. Mô tả xứ Đàng Trong (1749 - 1750), bản định của Huỳnh Thị Anh Vân, “Huế Xưa&Nay”, số 88 (2008), Huế.
16. John Barrow (1806), *A Voyage to Cochinchina, in the Years 1792 and 1793*, (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793), T. Cadell và W. Davies, London.
17. Viện Triết học (1994), *Nho giáo tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Nho giáo ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

THE NGUYEN LORDS' POLICIES TOWARDS CONFUCIANISM DEVELOPMENT IN COCHINCHINA (IN THE 17TH - 18TH CENTURIES)

Le Ba Vuong

Ho Chi Minh City University of Culture

Nguyen Thanh Hoa

Hoa Lu University, Ninh Binh

The Nguyen Lords were brought up in the Confucian School, they were interested in developing and using Confucianism in national rule. Over two centuries of “North-South civil war”, Nguyen lords implemented the policy of developing the popular Confucianism, the Confucianism was “nationalized” to be the ideological foundation for the centralized monarchy institution to serve the purpose of setting up sovereignty and establishing the Inner Land’s culture.

Keywords: Confucianism; Cochinchina; Nguyen Lords; policy on religion.